**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 2**

**MÔN NGỮ VĂN 6**

**Phần I: Văn bản**

Nắm được nội dung, ý nghĩa, bài học, các chi tiết đặc sắc và nghệ thuật nổi bật của:

Văn bản: - Xem người ta kìa

 - Hai loại khác biệt

 - Trái đất cái nôi của sự sống

**Phần II: Tiếng Việt**

Nhận diện và thực hành:

1. Trạng ngữ
2. Văn bản và đoạn văn
3. Lựa chọn từ ngữ, lựa chon cấu trúc câu.
4. Từ mượn

**Phần 3: Viết**

1. Từ một câu chủ đề đã cho, viết đoạn văn 5- 7 câu trình bày suy nghĩ về một vấn đề được gợi ra từ câu chủ đề đó
2. Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống.

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**Phần I: Văn bản**

1. **Xem người ta kìa**

a. Nội dung:Văn bản đề cập đến đến vấn đề tôn trọng sự khác biệt ở mỗi người
nhưng cần hoà đồng, gần gũi với mọi người.
b. Nghệ thuật:Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục.

**2. Hai loại khác biệt**

a. Nội dung:Văn bản đề cập đến vấn đề sự khác biệt ở mỗi người. Qua đó khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt thực sự.
b. Nghệ thuật:- Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục.
- Cách triển khai từ bằng chứng thực tế để rút ra lí lẽ giúp cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, gần gũi, không mang tính chất giáo lí.

**3. Trái đất – cái nôi của sự sống**

a. Nội dung:- Văn bản đề cập đến đến vai trò của Trái Đất với sự sự sống của muôn loài và cảnh báo về hiện trạng của Trái Đất hiện nay.
- Nhắc nhở con người về ý thức, trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường.
b. Nghệ thuật:- Văn bản đã sử dụng hiệu quả các yếu tố của văn bản thông tin: nhan đề, sa-pô, số liệu, hình ảnh để truyền tải được nội dung, ý nghĩa đến người đọc.

**II. Phần tiếng Việt**

1. **Trạng ngữ**
2. **Khái niệm**

 ***- Trạng ngữ*** là thành phần phụ của câu, xác định **thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phương tiện, cách thức** **.**.. của sự việc nêu ở trong câu.

***- Trạng ngữ*** trả lời cho các câu hỏi **Khi nào ?, Ở đâu ?, Vì sao ?, Để làm gì?.**

 - **Về vị trí** của trạng ngữ trong câu: Đầu câu, giữa hoặc cuối câu.

 b. **Nêu đặc điểm của trạng ngữ**

\* Về ý nghĩa: Trạng ngữ được thêm vào câu để xác định:

**- Trạng ngữ chỉ thời gian cho  câu.**

   Trạng ngữ chỉ thời gian dùng để xác định thời gian diễn ra sự việc nêu ở trong câu. Trạng ngữ chỉ thời gian trả lời cho các câu hỏi **Bao giờ ?, Khi nào ?, Mấy giờ? .**

VD: Buổi sáng hôm ấy, mùa đông đột nhiên đến, không báo cho biết trước.

**- Trạng ngữ chỉ nơi chốn cho câu.**

  Trạng ngữ chỉ nơi chốn để làm rõ nơi chốn diễn ra sự việc nêu trong câu. Trạng ngữ chỉ nơi chốn trả lời cho câu hỏi **Ở đâu ? .**

VD : Trên bờ, tiếng trống càng thúc dữ dội.

-**Trạng ngữ chỉ nguyên nhân cho câu.**

  Trạng ngữ chỉ nguyên nhân để giải thích nguyên nhân của sự việc hoặc tình trạng nêu trong câu. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân  trả lời các câu hỏi **Vì sao ?, Nhờ đâu ?, Tại đâu ?**.

VD: Nhờ học giỏi, Nam được cô giáo khen.

**- Trạng ngữ chỉ mục đích cho câu.**

  Trạng ngữ chỉ mục đích nói lên mục đích tiến hành sự việc nêu trong câu. Trạng ngữ chỉ mục đích trả lời cho các cau hỏi**Để làm gì ?, Nhằm mục đích gì ?, Vì cái gì ?.**

VD: Nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh, các trường đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực.

**- Trạng ngữ chỉ phương tiện cho câu.**

Trạng ngữ chỉ phương tiện thường mở đầu bằng các từ bằng, với, và trả lời cho các câu hỏi Bằng cái gì ?,  Với cái gì ? .

VD : Bằng một giọng thân tình, thầy khuyên chúng em cố gắng học cho tốt

\* Về hình thức: Trạng ngữ có thể đứng ở giữa câu, đầu câu hay cuối câu.

 Vd:

- Qua màng nước mắt, tôi nhìn theo mẹ và em trèo lên xe. ( Khánh Hoài)

-Tôi, qua màng nước mắt, nhìn theo mẹ và em trèo lên xe.

**3. Trạng ngữ có những công dụng gì?**

- Xác định hoàn cảnh, điều kiện diễn ra sự việc nêu trong câu, góp phần làm cho nội dung câu được đầy đủ, chính xác

- Nối kết các câu, các đoạn với nhau, góp phần làm cho đoạn văn, bài văn được mạch lạc

***2. Lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu***

***a. Lựa chọn từ ngữ***

- Trong nói và viết, lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu là thao tác diễn ra thường xuyên.

- Trong nhiều từ có thể được sử dụng, chỉ có một từ được xem là phù hợp nhất.

***b. Lựa chọn cấu trúc câu trong tạo lập văn bản***

- Trong viết và nói, việc lựa chọn cấu trúc câu phải là hành động có chủ ý, vì mỗi kiểu cấu trúc đưa đến một giá trị biểu đạt riêng.

- Cách tiến hành:

+ Tạo câu đúng ngữ pháp

+ Chú ý tới ngữ cảnh, mục đích viết/ nói, đặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp.

**3. Văn bản và đoạn văn:**

 - **Văn bản** là một đơn vị giao tiếp, có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc…

**- Đoạn văn:**

**a. Khái niệm:** *Đoạn văn* là một bộ phận cấu thành quan trọng của VB, gồm một tập hợp câu có sự thống nhất vê' chủ đề. Trong VB viết, đoạn văn thường được trình bày thành một khối dễ nhận biết bằng mắt: chữ đầu tiên được viết lùi đầu dòng; sau chữ cuối cùng có dấu ngắt xuống dòng.

**b. Từ ngữ và câu trong đoạn văn.**

**\*  *Từ ngữ chủ đề***

- Từ ngữ chủ đề:Là các từ ngữ được dùng làm các đề mục hoặc các từ ngữ được lặp lại nhiều lần nhằm duy trì đối tượng được biểu đạt.

- Dấu hiệu nhận biết:

+ Lặp lại nhiều lần trong đoạn văn.

+ Có tác dụng duy trì đối tượng được nói đến.

+ Xét về mặt từ loại, hình thức: Thường là những đại từ, chỉ từ.

**b. Câu chủ đề:**

**-** Câu chủ đề là câu mang ý khái quát, lời lẽ trong sáng, ngắn gọn, thường có đủ 2 thành phần chính và đứng đầu đoạn văn hoặc cuối đoạn.

- Dấu hiệu nhận biết:

+ Nội dung: Nêu khái quát được cả nội dung đoạn văn.

+ Hình thức: Câu chủ đề thường ngắn gọn có đủ C- V.

+ Vị trí xuất hiện: Thường ở đầu đoạn hoặc cuối đoạn.

**4. Từ mượn**

**a.Từ tiếng Việt :**

+ Từ thuần Việt (do ông cha ta sáng tạo ra, đọc lên có thể hiểu ngay)

+ Từ mượn (là các từ có nguồn gốc từ ngôn ngữ khác như Hán, Âu – Mỹ, Nga và các nước khác, biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm… mà từ TV chưa có từ thích hợp để biểu thị.)

**b. Từ mượn** có thể có cấu tạo từ đơn hoặc từ phức

Từ mượn được Việt hóa hoàn toàn: Được dùng phổ biến, nhiều người rõ nghĩa, viết giống từ thuần Việt. Từ mượn chưa được Việt hóa cao: Có dấu gạch nối hoặc giữ nguyên nguyên dạng trong ngôn ngữ gốc. Tùy quy định ở mỗi hoàn cảnh sử dụng mà chọn cách viết cho phù hợp.

- Từ mượn có ý nghĩa quan trọng, là quy luật tự nhiên trong quá trình tiếp xúc giao lưu giữa các dân tộc và làm giàu ngôn ngữ dân tộc mình.

Tránh lạm dụng từ mượn

**III. Phần 3: Viết**

1. **Viết đoạn văn**

Từ một câu chủ đề đã cho, viết đoạn văn 5- 7 câu trình bày suy nghĩ về một vấn đề được gợi ra từ câu chủ đề đó

*\*Về hình thức, kĩ năng :*

- Đúng hình thức đoạn văn nghị luận

- Đủ số lượng câu

- Đặt câu chủ đề ở đầu hoặc cuối đoạn văn

*\* Yêu cầu về nội dung:* Viết hoàn chỉnh đoạn văn trình bày được suy nghĩ của mình về vấn đề đã cho

  **(1).  *Ai cũng có cái riêng của mình***

Trả lời các câu hỏi gợi ý:

- Câu "Ai cũng có cái riêng của mình" là câu chủ đề, các em có thể đặt ở đầu đoạn hay cuối đoạn đều được.

- Cái riêng của mỗi người là gì?

- Cái riêng của từng người thể hiện ở những mặt nào?

- Tại sao mỗi người đều có cái riêng?

 ***(2) Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa***

*- Câu mở đầu phải là câu: Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa.*

*- Trả lời câu hỏi:*

*+ Khác biệt vô nghĩa là gì?*

*+ Vì sao chúng ta không muốn khác biệt vô nghĩa?*

*+ Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa thì phải làm thế nào?*

**2. Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống.**

 ***a. Hiện tượng nghiện game ở học sinh hiện nay.***

 ***b. Suy nghĩ về hiện tượng “bắt nạt” học đường.***

**\* Mở bài:** Giới thiệu hiện tượng, vấn đề cần bàn luận

**\* Thân bài:** Đưa ra ý kiến cần bàn luận:

+ Nêu ý 1 ( Lý lẽ, bằng chứng)

+ Nêu ý 2 ( Lý lẽ, bằng chứng)

+ Nêu ý 3 ( Lý lẽ, bằng chứng)

...

**\* Kết bài:** Khẳng định lại ý kiến của bản thân, rút ra bài học.

**Gợi ý chi tiết**

**Đề 1:  *Hiện tượng nghiện game ở học sinh hiện nay.***

**I. MỞ BÀI**

 Dẫn dắt, giới thiệu hiện tượng nghiện game của học sinh trong xã hội hiện nay. Khái quát suy nghĩ, nhận định của bản thân về vấn đề này (nghiêm trọng, cấp thiết, mang tính xã hội,…)

**II.THÂN BÀI**

**1. Giải thích:**

 + Game là gì? => Cách gọi chung của các trò chơi điện tử có thể tìm thấy trên các thiết bị như máy tính, điện thoại di động,… nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí của con người ngày nay.
+ Nghiện là gì? =>Là trạng thái tâm lý tiêu cực gây ra do việc quá phụ thuộc hoặc sa đà quá mức vào một thứ gì đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến người sử dụng hoặc thường xuyên tiếp xúc nó.
+ Nghiện game là gì? => Là hiện tượng tập trung quá mức vào trò chơi điện tử dẫn đến những tác hại không mong muốn.
**2. Thực trạng:**+ Nhiều học sinh, sinh viên dành phần lớn thời gian mỗi ngày cho việc chơi game.
+ Nhiều tiệm net vẫn hoạt động ngoài giờ cho phép do nhu cầu chơi game về đêm của học sinh.
+ Ngày càng nhiều hậu quả tiêu cực xảy ra trong xã hội có liên quan đến nghiện game
**3. Nguyên nhân:**+ Các trò chơi ngày càng đa dạng, phong phú và nhiều tính năng thu hút giới trẻ.
+ Lứa tuổi học sinh chưa được trang bị tâm lý vững vàng, dễ bị lạc mình trong thế giới ảo.
+ Nhu cầu chứng tỏ bản thân và ganh đua với bè bạn do tuổi nhỏ.
+ Phụ huynh và nhà trường chưa quản lý học sinh chặt chẽ.
**4. Hậu quả:**+ Học sinh bỏ bê việc học, thành tích học tập giảm sút.
+ Ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lí, hao tốn tiền của.
+ Dễ bị lôi kéo vào tệ nạn xã hội.
- Lời khuyên:
+ Bản thân học sinh nên tự xây dựng ý thức học tập tốt, giải trí lành mạnh.
+ Cần có biện pháp giáo dục, nâng cao ý cho học sinh đồng thời tuyên truyền tác hại của việc nghiện game trong nhà trường, gia đình và xã hội.
+ Các cơ quan nên có biện pháp kiểm soát chặt chẽ vấn đề phát hành và phổ biến game.
**III. KẾT BÀI**

- Khẳng định lại vấn đề (tác hại của nghiện game online, vấn đề nghiêm trọng cần giải quyết kịp thời,…).
- Đúc kết bài học kinh nghiệm, đưa ra lời kêu gọi, nhắn nhủ.

**Đề bài 2: Bắt nạt học đường.**

**I. Mở bài:** Giới thiệu về bắt nạt học đường.

- Là vấn nạn hiện nay trong xã hội

- Tình trạng ngày càng lan rộng hơn đặc biệt trong thời đại công nghệ số

**II. Thân bài:**

**1.Giải thích vấn đề**

- Bắt nạt học đường là những hành vi thô bạo, thiếu đạo đức với bạn mình.

- Cách cư xử thiếu văn minh, không có giáo dục của thế hệ học sinh.

- Xúc phạm đến tinh thần và thể xác người khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng.

- Hành vi này càng ngày càng phổ biến.

**2. Hiện trạng.**

- Lăng mạ, xúc phạm, chửi bậy đối với người khác.

- Làm tổn thương đến tinh thần bạn bè.

- Học sinh có thái độ không đúng với thầy cô.

**3. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng băt nạt học đường:**

- Do ảnh hưởng của môi trường bạo lực, thiếu văn hóa.

- Chưa có sự quan tâm từ gia đình.

- Sự phát triển chưa toàn diện của học sinh.

**4. Hậu quả của bắt nạt học đường:**

***a. Với người bị bạo lực:***

- Bị ảnh hưởng về tinh thần và thể chất.

***b. Với người gây ra bạo lực:***

- Phát triển không toàn diện.

- Mọi người chê trách.

- Mất hết tương lai, sự nghiệp.

**5. Cách khắc phục nạn bắt nạt học đường:**

- Nhà trường cần nâng cao nhận thức và dạy bảo học sinh hiệu quả nhất.

- Cha mẹ nên chăm lo và quan tâm đến con cái.

- Tự bản thân có trách nhiệm xa lánh tình trạng bắt nạt học đường.

**III. Kết bài:** Nêu cảm nghĩ của em về bắt nạt học đường.

- Đây là một hành vi không tốt.

- Em sẽ làm gì để ngăn chặn tình trạng này.